VKSND TỐI CAO **VKSND TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 64/QĐ-VKS	*Quảng Nam, ngày 28 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023 (lần 2)

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Hướng dẫn số 11/HD-VKSTC ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 01/QĐ-VKSTC ngày 03/01/2023 về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 134/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Quyết định số 40/QĐ-VKSTC ngày 12/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 3) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Xét đề nghị của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (lần 2) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, kế toán Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - VKSND tối cao (b/cáo); - Đơn vị sử dụng NS (t/hiện); - Lưu: VT, TV.	**VIỆN TRƯỞNG** **TRẦN HOÀI NAM**

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị: **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**
Chương: **004**

PHỤ LỤC

DỰ TOÁN THU -CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH GIẢM CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 64/QĐ-VKS ngày 28/4/2023 của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số điều chỉnh	Số điều chỉnh tăng	Số chưa phân bổ
A	**Dự toán thu**			
I	**Tổng số thu**			
1	Thu phí, lệ phí			
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)			
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)			
4	Thu sự nghiệp khác			
	(Chi tiết theo từng loại thu)			
II	**Số thu nộp NSNN**			
1	Phí, lệ phí			
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
	(Chi tiết theo từng loại thu)			
III	**Số được để lại chi theo chế độ**			
1	Phí, lệ phí			
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)			
3	Thu viện trợ			
4	Hoạt động sự nghiệp khác			
	(Chi tiết theo từng loại thu)			
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (không bao gồm chi đầu tư)**	**3.891.000.000**	**3.891.000.000**	**0**
I	**Loại 340, khoản 341**	**3.891.000.000**	**3.891.000.000**	
A	***Kinh phí tự chủ***	***0***	***0***	
B	***Kinh phí không tự chủ***	***3.891.000.000***	***3.891.000.000***	
1	VP Viện tỉnh		3.738.000.000	
2	TP Tam Kỳ		14.000.000	
3	TP Hội An		9.000.000	
4	Tiên Phước		8.000.000	
5	Thăng Bình		12.000.000	
6	Tây Giang		6.000.000	
7	Quế Sơn		8.000.000	
8	Phước Sơn		8.000.000	
9	Phú Ninh		9.000.000	
10	Núi Thành		10.000.000	
11	Nông Sơn		6.000.000	
12	Nam Trà My		5.000.000	
13	Nam Giang		7.000.000	

Được quét bằng CamScanner

STT	Chỉ tiêu	Tổng số điều chỉnh	Số điều chỉnh tăng	Số chưa phân bổ
14	Hiệp Đức		6.000.000	
15	Duy Xuyên		10.000.000	
16	Đông Giang		6.000.000	
17	Điện Bàn		12.000.000	
18	Đại Lộc		9.000.000	
19	Bắc Trà My		8.000.000	
II	**Loại 70, khoản 085**		**0**	
	Đào tạo lại cán bộ		*0*	
1	VP Viện tỉnh		0	
C	**Dự toán chi nguồn khác (UBND hỗ trợ)**			
I	**Chi thanh toán cá nhân**			
II	**Chi nghiệp vụ chuyên môn**			
III	**Chi mua sắm, sửa chữa**			
	Tổng cộng	**3.891.000.000**	**3.891.000.000**	

Được quét bằng CamScanner